

Số: 20 /2019/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 14 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá dịch vụ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp tính đơn giá dự toán, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành đơn giá dịch vụ lập Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thị xã, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ lập Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp Nhà nước thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật và các cơ chế chính sách có liên quan; hoặc đơn giá dụng cụ, thiết bị và vật liệu biến động trên 10% làm thay đổi đến đơn giá dịch vụ lập Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính và các đơn vị liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh.

Điều 2. Đơn giá dịch vụ lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đơn giá

STT	Nội dung công việc	Đơn giá (đồng)
I	Cấp tỉnh	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu	3.414.872.193
2	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối	2.487.722.418
3	Lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối	1.102.991.190
4	Lập điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối	822.025.731
II	Cấp huyện	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu	1.771.455.251
2	Lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ điều chỉnh của cấp huyện	1.261.622.199
3	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện	321.155.262

(Ghi chú: Đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

2. Định mức chung

- Đối với cấp tỉnh: đơn giá trên tính theo định mức cho đơn vị tỉnh có diện tích trung bình là 500.000 ha, ở điều kiện trung bình.

- Đối với cấp huyện: đơn giá trên tính theo định mức cho đơn vị huyện có diện tích trung bình là 50.000 ha, ở điều kiện trung bình.

3. Các hệ số điều chỉnh

Các hệ số điều chỉnh K_{kt} , K_{ds} , K_s , K_{hc} , K_{dt} được tính cho cấp tỉnh và từng đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở căn cứ vào số liệu của ngành thống kê tại thời điểm năm hiện trạng và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với giá so sánh năm 2010.

4. Tổng chi phí trong đơn giá:

Mức cụ thể cho từng tỉnh hoặc huyện (MT hoặc MH) tính theo công thức sau:

$$\text{MT hoặc MH} = M_{tb} \times K_{kt} \times K_{ds} \times K_s \times K_{hc} \times K_{dt}$$

Trong đó:

- M_{tb} : Đơn giá chung;
- K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế;
- K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số;
- K_s : Hệ số quy mô diện tích;
- K_{hc} : Hệ số đơn vị hành chính;
- K_{dt} : Hệ số áp lực về đô thị.

5. Các loại chi phí ngoài đơn giá:

Các loại chi phí ngoài đơn giá được xác định theo tỷ lệ % trên chi phí trong đơn giá cho các hạng mục công việc theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thuế giá trị gia tăng:

Căn cứ vào Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng:

Thuế giá trị gia tăng = Chi phí trong đơn giá x 10%.

7. Tổng kinh phí:

Tổng kinh phí của dự án = Chi phí trong đơn giá + chi phí ngoài đơn giá + Thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2019. *1/1/19*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VPĐDBQH, HĐND & UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Công TT Điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Lục, Lam. *186*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *1/1/19*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn